

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2019
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy
2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND TT P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 10 tháng 03 năm 2015. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng nhau tại

nhà bố mẹ đẻ anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Anh T là người không có trách nhiệm với chị và gia đình bên ngoại. Ngày 24/11/2016, chị và anh T có xảy ra cãi vã nhau, anh T nói những lời chị không thể chấp nhận được nên chị đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương từ đó cho đến nay. Kể từ đó cho đến nay anh chị chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị cảm thấy rằng không thể hàn gắn được các mâu thuẫn giữa hai bên và không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015. Hiện nay cháu đang ở cùng anh Trương Văn T và gia đình anh T. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Vũ Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, anh Trương Văn T đã có quan điểm trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay:

Ngày 10/3/2015, anh kết hôn với chị Vũ Thị T, được đăng ký tại UBND TT P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ ở Khu 5, TT P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhưng đó chỉ là trong sinh hoạt thường ngày, không có gì to tát. Nhưng không rõ nguyên nhân gì mà tháng 11 năm 2016, chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Kim Thành cho đến nay, không quay trở về chung sống cùng anh nữa. Kể từ đó anh chị chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Từ ngày chị T bỏ đi đến nay, anh đã sang tìm gặp chị T để khuyên bảo nhưng chị T đều cương quyết không về ở cùng anh. Nay chị T xin ly hôn anh, bản thân anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn để cùng nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015. Kể từ ngày chị T bỏ về ngoại thì anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến nay. Hiện nay anh đang làm tại công ty cổ phần thương mại vật tư và xây lắp Thịnh Hưng với mức thu nhập hàng tháng gần 8 triệu đồng/tháng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng

được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện thụ lý; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo về thời hạn giải quyết vụ án, đã tiến hành các thủ tục hòa giải theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trương Văn T; Về con chung: Giao con chung Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho anh Trương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trương Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu 5, thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T có nội dung yêu cầu ly hôn nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và

gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T, thấy rằng chị T và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/3/2015 đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Tại biên bản xác minh tại địa phương và theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Vũ Thị T và anh Trương Văn T thì thấy giữa anh Trương Văn T và chị Vũ Thị T có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự thương yêu và quý trọng lẫn nhau. Do cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Kim Thành để ở từ ngày 24 tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay thời gian anh chị ly thân cũng đã lâu, chị T đã xác định không còn tình cảm với anh T, cũng không thể tiếp tục sống chung cùng anh được nữa. Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn có nguyện vọng mong muốn chị T suy nghĩ về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung song anh T cũng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, bất đồng của hai vợ chồng và anh cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng luôn có sự suy nghĩ và luồng tư tưởng khác biệt nhau. Nhận thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy việc giao nuôi dưỡng con chung phải căn cứ vào các điều kiện vật chất, tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung. Theo như lời khai của chị T, anh T cũng như đơn đề nghị của bà Lê Thị Miện (là mẹ đẻ của anh T) thì kể từ ngày 24/11/2016 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để ở cho đến nay thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Do vậy bên cạnh việc chị T đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K cũng như để đảm bảo quyền lợi và không thay đổi môi trường

sinh hoạt của cháu thì cần thiết giao cháu Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trương Văn T.

Về con chung: Giao con chung cháu Trương Ngọc K, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2015 cho anh Trương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0001917 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T, anh Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND TT P, huyện Kinh Môn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thụy